TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2024
V/v *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Quang Tuyến**

Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:Ông **Nguyễn Văn Tặng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc*"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Mỹ T**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Thanh Đ,** sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp A, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T trình bày:

Vào năm 2019 bà Lê Thị Mỹ T và ông Trần Thanh Đ tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau và sau đó về chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân

xã C, huyện P (nay là thành phố P) tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 92, ngày 14/8/2019.

Trong khoảng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 ông Đ có quen biết với người phụ nữ khác ở bên ngoài nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không còn hạnh phúc. Vì nghĩ đến con chung nên bà cố gắng chịu đựng nhưng ông Đ vẫn tính nào tật đó không thay đổi. Bà và ông Đ đã sống ly thân vào tháng 7/2023 cho đến nay.Bà xét thấy tình cảm vợ chồngkhông còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh Đ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 người con chung tên Trần Lê Khánh D, sinh ngày 01/5/2021 hiện đang sống cùng bà, do bà chăm sóc. Bà T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Thanh Đ:Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ tất cả các thủ tục tố tụng để triệu tập, thông báo cho ông Đ biết là bà T đã khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với ông, để ông đến tòa án tham gia giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Đvẫn vắng mặt không lí do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung của bà Lê Thị Mỹ T đối với ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Từ khi tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn từ khi Tòa án thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Thanh Đ nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt

không lí do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hướng xét xử cho nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Tđược ly hôn với ông Trần Thanh Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 01 người con chungtên Trần Lê Khánh D, sinh ngày 01/5/2021. Bà T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên cần thiết giao con chung cho bà T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung,nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Bà T cam kết vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1].Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với bị đơn ông Trần Thanh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung".

Bị đơn ông Trần Thanh Đcó địa chỉ cư trú tại địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Lê Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Thanh Đđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lí do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Trần Thanh Đ tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau và về chung sống vợ chồng. Có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện P (nay là thành phố P) tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 92, ngày 14/8/2019, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà T cho rằng, thời gian đầu về chung sống thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, đến năm 2023 thì mới phát sinh mâu thuẫn, do ông Đ có quen biết với người phụ nữ khác ở bên ngoài nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không còn hạnh phúc. Vì nghĩ đến con chung nên bà cố gắng chịu đựng nhưng ông Đ vẫn tính nào tật đó không thay đổi. Bà và ông Đ đã sống ly thân vào tháng 7/2023 cho đến nay. Bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh Đ.

Đối với ông Trần Thanh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, để thông báo cho ông biết về việc bà T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với ông, thế nhưng ông Đ không có ý kiến phản hồi gì, xem như ông không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa ông với bà T và không muốn đoàn tụ với bà T mặc dù ông và bà T đang sống ly thân nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình chung sống giữa bà T và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn về tình cảm thời gian dài từ năm 2023 đến nay, đến tháng 7/2023 thì vợ chồng đã chính thức sống ly thân nhau cho đến nay, cả hai không còn sự quan tâm, yêu thương chăm sóc giúp đỡ nhau trong đời sống gia đình, điều đó cho thấy đã vi phạm đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, dẫn đến mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạngtrầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc xin ly hôn với ông Đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử thống nhất cho bà T được ly hôn với ông Đ.

[2.2]. Về con chung: Bà T trình bày và cung cấp giấy tờ xác nhận bà và ông Đ có 01 người con chung tên Trần Lê Khánh D, sinh ngày 01/5/2021, con chung hiện đang sống cùng bà, do bà chăm sóc, nên bà T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu D hiện đang trực tiếp sống cùng bà T, được bà Tchăm sóc tốt và lo đầy đủ mọi mặt từ chỗ ăn ở, đến việc học tập đều được đảm bảo. Còn ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án và không có ý kiến về vấn đề nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung tên Trần Lê Khánh D, sinh ngày 01/5/2021cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Bà T cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, cũng không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều28, 35, 39, 147, 238,266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" đối với bị đơn ông Trần Thanh Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ T được ly hôn với ông Trần Thanh Đ.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê Khánh D, sinh ngày 01/5/2021 cho bà Lê Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Trần Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Lê Thị Mỹ T.

Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt củacon chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên đương sự có quyềnyêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu việccấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về nợ chung: Bà T cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tđã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004307 ngày 19/12/2023của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.Bà T đã nộp xong.

3.Về quyền kháng cáo: Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- Chi cục THADS TP. Phú Quốc;
- UBND xã C; TP. Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Nhung